

重慶地下鉄 6 号線 駅名 1/4

No	駅名	メモ
1	chá yuán zhàn 茶园站	
2	qiū jiā wān zhàn 邱家湾站	
3	cháng shēng qiáo zhàn 长生桥站	
4	liú jiā píng zhàn 刘家坪站	
5	shàng xīn jiē zhàn 上新街站	
6	xiǎo shí zì zhàn 小什字站	
7	dà jù yuàn zhàn 大剧院站	
8	jiāng běi chéng zhàn 江北城站	
9	wǔ lǐ diàn zhàn 五里店站	
10	hóng tǔ dì zhàn 红土地站	
11	huáng ní bàng zhàn 黄泥塆站	

重慶地下鉄 6 号線 駅名 2/4

No	駅名	メモ
12	hóng qí hé gōu zhàn 红旗河沟站	
13	huā huì yuán zhàn 花卉园站	
14	dà lóng shān zhàn 大龙山站	
15	rǎn jiā bà zhàn 冉家坝站	
16	guāng diàn yuán zhàn 光电园站	
17	dà zhú lín zhàn 大竹林站	
18	kāng zhuāng zhàn 康庄站	
19	jiǔ qū hé zhàn 九曲河站	
20	lǐ jiā zhàn 礼嘉站	
21	jīn shān sì zhàn 金山寺站	
22	cáo jiā wān zhàn 曹家湾站	

重慶地下鉄 6 号線 駅名 3/4

No	駅名	メモ
23	cài jiā zhàn 蔡家站	
24	xiàng jiā gǎng zhàn 向家岗站	
25	lóng fèng xī zhàn 龙凤溪站	
26	zhuàng yuán bēi zhàn 状元碑站	
27	tiān shēng zhàn 天生站	
28	běi bèi zhàn 北碚站	
29	huān lè gǔ zhàn 欢乐谷站	
30	huáng máo píng zhàn 黄茅坪站	
31	gāo yì kǒu zhàn 高义口站	
32	guó bó zhōng xīn zhàn 国博中心站	
33	yuè lái zhàn 悦来站	

重慶地下鉄 6 号線 駅名 4/4

No	駅名	メモ
34	wáng jiā zhuāng zhàn 王家庄站	
35	qīng xī hé zhàn 清溪河站	
36	liú jiā yuàn zi zhàn 刘家院子站	
37	sī yuán zhàn 思源站	
38	fù xīng zhàn 复兴站	
39	hóng yán píng zhàn 红岩坪站	
40	shā hé bà zhàn 沙河坝站	

